TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH A GI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 284/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 6 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH A GI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh A Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị B, sinh năm 1994;
Trú tại ấp M H, xã V T, huyện G Q, tỉnh K G.
- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1984;
Trú tại ấp B M, xã B M1, huyện CP, tỉnh A Gi.
Chị B, anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày: Chị B và anh T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B M1. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn, do anh T không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường hay uống rượu, đánh đập chị nhiều lần, chị đã khuyên ngăn và tạo cơ hội cho anh T sửa chửa, nhưng anh T không thay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị B và anh T chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Nhật H, sinh ngày 04/01/2017, ly hôn yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị Hường về thời gian chung sống, mâu thuẫn, anh còn thương vợ con không đồng ý ly hôn, xin đoàn tu. Con chung: tên Huỳnh Nhật H, sinh ngày 04/01/2017, nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị B giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, con chung ly hôn yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, xin đoàn tụ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị B cho rằng chị và anh T chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả nhau, anh T không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường uống rượu đánh chị nhiều lần, không còn tình cảm nên chị B xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ vì còn thương vợ con. Tại phiên tòa, anh T và chị B xác định vợ chồng không có thời gian ly thân, hiện vẫn còn sống chung nhà trọ và sinh hoạt vợ chồng B thường. Do đó, mâu thuẫn

vợ chồng chưa trầm trọng, chưa có đủ cơ sở để cho ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã B M1, huyện CP, tỉnh A Gi. Chị B khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị B và anh T qua quá trình tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B M1 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị B và anh T: Chị B cho rằng chị và anh T đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm, không làm tròn nghĩa vụ người chồng, thường uống rượu đánh chị nhiều lần nên chị quyết định xin ly hôn. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ giận bỏ đi nhưng anh đi tìm, hiện tại vợ chồng vẫn sống và sinh hoạt chung nhà trọ ở B Dương, anh vẫn lao động làm việc lo cho gia đình, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ.

Hội đồng xét xử đã động viên anh chị để hàn gắn lại với nhau, để cùng nhau sống hạnh phúc chăm lo cho gia đình và con chung, nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị B và anh T chưa đến mức có mâu thuẫn trầm trọng, anh T vẫn còn thương vợ con, hiện tại vợ chồng không có thời gian ly thân, sống chung và sinh hoạt vợ chồng B thường, anh T đã thừa nhận lỗi và hứa sẽ khắc phục sửa chữa để vợ chồng sống hạnh phúc chăm

lo cho con để con có gia đình có tình thương của cha và mẹ, vợ chồng có thể hàn gắn lại được với nhau. Tình cảm vợ chồng anh T và chị B chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng, nên cần có thêm thời gian nữa để anh chị tự hàn gắn với nhau, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị B với anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị B với anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001199 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p0hải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT A Gi;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân h.CP;
- UBND xã B M1;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ